

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-11-2024.  
V/v: “Ly hôn giữa chị Á và anh D”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lưu Xuân Tiến.

Ông Nguyễn Thế Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị Á; Sinh năm: 1995(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

***Bị đơn:*** Anh Trần Xuân D; Sinh năm: 1989(*Có mặt*)

Địa chỉ: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Á trình bày: Chị và anh Trần Xuân D kết hôn vào ngày 22/11/2013, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát. Từ tháng 3/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ

chồng không còn. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Xuân D.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Trần Duy B, sinh ngày 05/12/2014, Trần Thu M, sinh ngày 06/10/2016 và Trần Quỳnh N, sinh ngày 17/07/2022. Hiện các con chung đang ở cùng anh D. Nay ly hôn, chị được nuôi con chung Quỳnh Như. Anh D nuôi con chung B và M, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Á vắng mặt và đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2024 và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Xuân D trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh và chị Phạm Thị Á kết hôn vào tháng 10/2013 ÂL, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, anh và chị Á có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế. Từ tháng 3/2023, chị Á về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Á xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung như chị Á trình bày. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án cho anh được nuôi con chung Quỳnh N vì chị Á bỏ con từ khi cháu 07 tháng tuổi, không quan tâm chăm sóc gì. Hai con chung còn lại đề nghị Tòa án cho các cháu được lựa chọn. Nếu Tòa án giao các con chung cho anh nuôi khi ly hôn, anh không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm thợ cơ khí thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị Á và anh D, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Á và anh Trần Xuân D.

Về con chung: Giao cho anh Trần Xuân D trực tiếp nuôi con chung là Trần Duy B, sinh ngày 05/12/2014, Trần Thu M, sinh ngày 06/10/2016. Giao cho chị Phạm Thị Á trực tiếp nuôi con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 17/07/2022. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Á phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Á có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Anh Trần Xuân D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Á có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Phạm Thị Á và anh Trần Xuân D kết hôn vào ngày 22/11/2013, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống và kinh tế. Nay chị Á xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh D đồng ý. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị Á và anh D nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Á đối với anh Trần Xuân D.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có ba con chung là Trần Duy B, sinh ngày 05/12/2014, Trần Thu M, sinh ngày 06/10/2016 và Trần Quỳnh N, sinh ngày 17/07/2022. Hiện các con chung đang ở cùng anh D. Xét yêu cầu của các bên đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung và con chung Quỳnh Như dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị Phạm Thị Á trực tiếp nuôi con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 17/07/2022. Giao cho anh Trần Xuân D trực tiếp nuôi con chung là Trần Duy B, sinh ngày 05/12/2014, Trần Thu M, sinh ngày 06/10/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Á phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Á có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Anh Trần Xuân D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Á và anh Trần Xuân D.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Á trực tiếp nuôi con chung là Trần Quỳnh N, sinh ngày 17/07/2022. Giao cho anh Trần Xuân D tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Trần Duy B, sinh ngày 05/12/2014, Trần Thu M, sinh ngày 06/10/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Xuân D có nghĩa vụ giao con chung Trần Quỳnh N cho chị Á nuôi dưỡng.

Chị Á, anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Á phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0005167 ngày 15/10/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Á có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Anh Trần Xuân D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Dương;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP

**Phạm Mạnh Cường**

